

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 33 trong chương trình Ngữ văn 7 đã học theo 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn (Văn nghị luận giải thích).

- Năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức tự luận.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực ghi nhớ.

- Năng lực vận dụng kiến thức Ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục học sinh tình cảm gia đình, tình yêu thương, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm đối với quê hương đất nước.

B. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
Nội dung					
Kiến thức văn bản	Tên văn bản, tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt	Nội dung của một hình ảnh chi tiết trong văn bản, ý nghĩa nhan đề		Từ VB liên hệ thực tiễn.	
Số câu	Số câu: 1	Số câu: 2		Số câu: 1	Số câu: 4
Số điểm- Tỷ lệ%	2đ 20%	2đ 20%		0.5 đ 5%	4.5 đ 45%
Kiến thức Tiếng Việt		- Rút gọn câu - Câu đặc biệt - Thêm trạng ngữ cho câu			



		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. - Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu - Liệt kê 			
Số câu		Số câu: 1			Số câu: 1
Số điểm-Tỉ lệ %		1.5đ 15%			1.5đ 15%
Kiến thức Tập làm văn			Văn nghị luận giải thích		
Số câu			Số câu: 1		Số câu: 1
Số điểm- Tỉ lệ %			4đ 40%		4đ 40%
Tổng số câu	Số câu: 1	Số câu: 3	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 6
Tổng số điểm	Số điểm: 2	Số điểm: 3.5	Số điểm: 4	Số điểm: 0.5	Số điểm: 10
Tỉ lệ %	20%	35%	40 %	5%	100%

(Chính thức)

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá; khúc đê làng X. thuộc phủ X. xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thấm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất. Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cù, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật thảm.”

(Sách giáo khoa Ngữ Văn 7 – tập 2 – NXB Giáo dục Việt Nam.)

Câu 1 (2,0 điểm): Đoạn trích trên trong văn bản nào? Của ai? Được viết theo thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

Câu 2 (0,5 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 3 (1,5 điểm): Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản chứa đoạn trích.

Câu 4 (1,5 điểm): Xác định một biện pháp tu từ trong đoạn trích trên và nêu tác dụng.

Câu 5 (0,5 điểm): Miền Trung khúc ruột của cả nước nhưng hằng năm nhân dân miền Trung vẫn bị ảnh hưởng bởi lũ lụt kéo dài, em hãy nêu một vài hoạt động thiết thực của bản thân chung tay hướng về miền Trung thân yêu?

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Đề bài: Viết một bài văn nghị luận giải thích câu ca dao:

“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.

-----Chúc các em làm bài tốt!-----

Đề số 01

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1 (2 điểm)	- Đoạn trích trong văn bản “Sống chết mặc bay”	0.5
	- Tác giả Phạm Duy Tốn	0.5
	- Thể loại: truyện ngắn	0.5
	- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0.5
2 (0.5 điểm)	- Nội dung chính của đoạn trích là: Nguy cơ đê vỡ và sự chống đỡ của người dân	0.5
3 (1,5 điểm)	- Ý nghĩa nhan đề: + Bắt đầu từ một câu tục ngữ dân gian “Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi” với ý nghĩa phê phán những hạng người vô trách nhiệm, ích kỉ, chỉ biết lợi ích của bản thân mà không quan tâm đến cuộc sống, tính mạng người khác.	0.75
	+ Phê phán thói vô trách nhiệm, ích kỉ, lòng lang dạ sói của tầng lớp quan lại phong kiến lúc bấy giờ và bày tỏ sự xót thương, đồng cảm trước cuộc sống đầy cực khổ của người dân.	0.75
4 (1,5 điểm)	- HS có thể tìm được một biện pháp tu từ: liệt kê hoặc So sánh và chỉ rõ.	0.5
	+ Liệt kê: “ <i>kẻ thì thuồng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân</i> ”.	
	+ So sánh: “ <i>người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột</i> ”	
- Tác dụng: + Liệt kê sự vất vả của người dân , nguy cơ đê vỡ. + Bày tỏ niềm thương cảm trước cảnh nhân dân khổ cực do thiên tai và cũng do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên	0.5 0.5	
5 (0,5 điểm)	HS có thể đưa ra những hành động cụ thể của bản thân như: + Quyên góp + Kêu gọi mọi người ủng hộ...	0.5

II. PHẢN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Nội dung	Biểu điểm
Hình thức: - Đúng thể loại: Nghị luận giải thích - Bố cục rõ: Mở bài, thân bài, kết bài. - Diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu thông thường. - Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	0.5
a. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu câu ca dao: “Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”	0.25
b. Thân bài: * <i>Giải thích:</i> Công cha, nghĩa mẹ: Công lao, ơn nghĩa to lớn của cha mẹ đối với con cái - Núi Thái Sơn, nước trong nguồn: những sự vật, hiện tượng thiên nhiên không thể cân đo đong đếm được hết. - So sánh công cha, nghĩa mẹ với hình ảnh núi Thái Sơn và nước trong nguồn, ông cha ta muốn răn dạy con cháu: công lao nuôi dưỡng, sinh thành của cha mẹ, tình cảm ơn nghĩa của cha mẹ dành cho con là vô cùng to lớn, không thể cân đo đong đếm nổi.	1.0
* <i>Biểu hiện:</i> - Cha mẹ là những người đã có công sinh thành, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ, che chở, đùm bọc cho mỗi người chúng ta. - Lấy dẫn chứng... - Tình cảm ấy không phải thể hiện đơn thuần qua lời nói mà được cảm nhận qua hành động, qua sự hi sinh cao cả của những bậc sinh thành.	1.0
* <i>Bàn luận, mở rộng:</i> trân trọng, phê phán.... * <i>Ý nghĩa bài học:</i> nhận thức, hành động	0.5
c. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề. - Liên hệ bản thân.	0.25



Ban giám hiệu

Đường Văn Tuynh

Tổ phó

Đinh Thị Nhàn

Người ra đề

Đàm Thị Tuyết

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 33 trong chương trình Ngữ văn 7 đã học về văn bản truyện ngắn, Tiếng Việt (Rút gọn câu, câu đặc biệt, thêm trạng ngữ cho câu, chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động, liệt kê) và văn nghị luận giải thích.

- Năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức tự luận.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực ghi nhớ.

- Năng lực vận dụng kiến thức Ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục học sinh tình cảm gia đình, tình yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm đối với quê hương đất nước.

B. MA TRẬN ĐỀ CUỐI HỌC KÌ II

Cấp độ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
Kiến thức văn bản	Tên văn bản, tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt	Nội dung của một hình ảnh, chi tiết trong văn bản hoặc văn bản. Ý nghĩa nhan đề		Từ VB liên hệ thực tiễn.	
Số câu Số điểm- Tỷ lệ%	Số câu: 1 2đ 20%	Số câu: 2 2đ 20%		Số câu: 1 0.5 đ 5%	Số câu: 4 4.5 đ 45%
Kiến thức Tiếng Việt		- Rút gọn câu - Câu đặc biệt - Thêm trạng ngữ cho câu - Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. - Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu - Liệt kê			
Số câu Số điểm –		Số câu: 1 1.5đ			Số câu: 1 1.5đ



Tỉ lệ %		15%			15%
Kiến thức Tập làm văn			Văn nghị luận giải thích		
Số câu Số điểm- Tỉ lệ %			Số câu: 1 4đ - 40%		Số câu: 1 4 điểm - 40%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 1 Số điểm: 2 20%	Số câu: 3 Số điểm: 3.5 35%	Số câu: 1 Số điểm: 4 40%	Số câu: 1 Số điểm: 0.5 5%	Số câu: 6 Số điểm: 10 100%



Đề 02 (Chính thức)

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều tới giờ hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cù, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm.”

(Ngữ văn 7, tập 2)

Câu 1 (2 điểm): Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2 (2 điểm)

a. Nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

b. Hình ảnh “người nào người nấy lướt thướt như chuột lột” gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 3 (1,5 điểm) Tìm biện pháp tu từ liệt kê có trong đoạn trích và nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê đó.

Câu 4 (0,5 điểm) Hãy nêu những hậu quả do một trận lũ lụt xảy ra gần đây nhất em chứng kiến (hoặc xem trên tivi, báo, đài...)?

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Đề bài: Viết bài văn nghị luận giải thích câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công”.

-----Chúc các em làm bài tốt!-----

LON

HỌN
HỌC
C Đ

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)




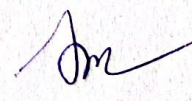
Câu	Nội dung	Biểu điểm
1 (2đ)	- Văn bản: “ Sống chết mặc bay”	0.5
	- Tác giả: Phạm Duy Tồn	0.5
	- Thể loại: Truyện ngắn hiện đại	0.5
	- PTBĐ chính: Tự sự	0.5
2 (2đ)	a. Nội dung đoạn trích: Hình ảnh những người dân phu thê thảm, lướt thướt hộ đê khi đê sắp vỡ.	1.0
	b. Hình ảnh “người nào người nấy lướt thướt như chuột lột” đã dựng lên trước mắt cảnh tượng hồi hả, chèo chống, người người kiệt sức trong đói rét, mưa gió. Đó chính là tình cảnh khốn khổ, khốn cùng, vô cùng thảm hại của người dân phu trong xã hội cũ.	1.0
3 (1,5đ)	- Biện pháp tu từ liệt kê: “kẻ thì thương, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cù, bì bõm”	0,5
	- Tác dụng: tạo giọng văn dồn dập, gấp gáp, thể hiện tất cả sự khẩn cấp, nguy cấp của con đê và bao lo âu, hốt hoảng của dân phu hộ đê → Cho thấy dân chúng đã huy động hết sức người, sức của để hộ đê, hàng trăm, nghìn người đem thân hèn yếu chống chọi với đê, không ai lùi bước.	1.0
4 (0,5đ)	- HS nêu hiểu biết của mình. GV linh hoạt chấm. - Gợi ý: + Nhà cửa bị ngập, đồ đạc, vật nuôi bị cuốn phăng đi hết. + Thiệt hại về mạng người...	0.5

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Nội dung	Biểu điểm
Hình thức - Đúng thể loại: Giải thích câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công” - Bố cục rõ: Mở bài, thân bài, kết bài. - Diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu thông thường. - Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	0.5
Nội dung 1. Mở bài - Giới thiệu về câu tục ngữ, trích dẫn câu “Thất bại là mẹ thành công”	0.5

<p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích nội dung câu tục ngữ: “<i>Thất bại là mẹ thành công</i>”</p> <p>* Nghĩa đen:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thất bại: là những lần làm việc hỏng, những lần gặp khó khăn trong cuộc sống và chưa đạt được mục đích bản thân đề ra. - Thành công: trái ngược với thất bại, là đạt được thành tựu, mục tiêu theo ý muốn. - Mẹ: người sinh ra con. <p>→ Chính những thất bại đã tạo nên thành công, nhờ có thất bại mà có thành công.</p> <p>* Nghĩa bóng: Đây là lời khuyên, động viên với mỗi con người khi đứng trước thất bại: không nên nhụt chí sau những lần vấp ngã mà cần coi đó là bài học, là kinh nghiệm để đứng lên và bước tiếp.</p>	1.0
<p>b. Bàn luận:</p> <p>* Vì sao thất bại lại là con đường, bệ đỡ giúp tạo ra thành công?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thất bại tạo ra kinh nghiệm, rút ra bài học để khắc phục, hoàn thiện bản thân - Thất bại rèn luyện tinh thần, ý chí, sự kiên trì. - Thất bại phần nào làm thấp đi sự tự tin quá mức, tạo nên sự cẩn thận khi hành động. - Vì không có thành công nào dễ dàng đạt được mà phải đánh đổi bằng nỗ lực, cố gắng và khó khăn. 	0.5
<p>* Dẫn chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những đứa trẻ kiên trì chập chững tập đi. - Walt Disney từng bị từ chối 302 lần trước khi thành lập hãng phim truyện hoạt hình Disney nổi tiếng thế giới. 	0.5
<p>c. Liên hệ bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài học nhận thức: <ul style="list-style-type: none"> + Tự nhận thức và ý thức về thất bại của bản thân, lấy nó làm nền tảng để xây đắp những viên gạch thành công. + Có lòng kiên trì theo đuổi ước mơ, hoài bão, chiến thắng nỗi sợ bản thân. - Bài học hành động: nỗ lực tu dưỡng, rèn luyện bản thân; khắc phục những yếu điểm. 	0.5
<p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định giá trị của câu tục ngữ đối với đời sống mỗi con người. 	0.5



Ban giám hiệu **Tổ nhóm CM** **Nhóm trưởng** **GV ra đề**
   
Dương Văn Tuyền **Đinh Thị Nhân** **Đàm Thị Tuyết** **Nguyễn Thị Hải**

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 33 trong chương trình Ngữ văn 7 đã học về văn bản nghị luận, Tiếng Việt (Rút gọn câu, câu đặc biệt, thêm trạng ngữ cho câu, chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động) và văn nghị luận.

- Năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức tự luận.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực ghi nhớ.

- Năng lực vận dụng kiến thức Ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục học sinh tình cảm gia đình, trách nhiệm đối với quê hương đất nước.

B. MA TRẬN

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
Nội dung					
Kiến thức văn bản	Tên văn bản, tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt	Nội dung, ý nghĩa		Từ VB liên hệ thực tiễn.	
Số câu	Số câu: 1	Số câu: 2		Số câu: 1	Số câu: 4
Số điểm- Tỷ lệ%	2đ 20%	2đ 20%		0.5 đ 5%	4.5 đ 45%
Kiến thức Tiếng Việt		- Rút gọn câu - Câu đặc biệt - Thêm trạng ngữ cho câu - Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. - Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu			



TR

		- Liệt kê			Số câu:1
Số câu		Số câu: 1			1.5đ
Số điểm-Tỉ lệ %		1.5đ			15%
Kiến thức					
Tập làm văn			Văn nghị luận giải thích		
Số câu			Số câu:1		Số câu:1
Số điểm- Tỉ lệ %			4đ - 40%		5 điểm - 50%
Tổng số câu	Số câu: 1	Số câu: 3	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 6
Tổng điểm	Số điểm: 2	Số điểm: 3.5	Số điểm: 4	Số điểm:0.5	Số điểm: 10
Tỉ lệ %	20%	35%	40%	5%	100%

Đề số 03

< Dự phòng 1 >

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“ Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá; khúc đê làng X. thuộc phủ X. xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thấm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bị bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm.”

(Ngữ văn 7- tập 2, trang 52)

Câu 1 (2 điểm): Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Văn bản thuộc kiểu thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính?

Câu 2 (2 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn trích trên? Tên sông được nói cụ thể (sông Nhị Hà) nhưng tên làng tên phủ được ghi bằng ký hiệu (làng X thuộc phủ X). Điều đó thể hiện dụng ý gì của tác giả?

Câu 3 (1,5 điểm): Tìm câu đặc biệt trong đoạn trích trên và cho biết tác dụng của câu đặc biệt đó?

Câu 4 (0,5 điểm): Theo em, chúng ta cần làm gì để hạn chế và giảm thiểu tác hại của lũ lụt?

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Đề bài: Viết bài văn nghị luận giải thích câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công”.

-----Chúc các em làm bài tốt!-----



I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1	- Văn bản: “ Sống chết mặc bay”	0.5
	- Tác giả: Phạm Duy Tốn	0.5
	- Thể loại: Truyện ngắn hiện đại	0.5
	- PTBD: Tự sự	0.5
2	- Nội dung: Nguy cơ đê vỡ và sự chống đỡ của người dân	1.0
	- Dạng ý: Tác giả muốn bạn đọc hiểu câu chuyện này không chỉ xảy ra ở một nơi mà có thể là phổ biến ở nhiều nơi trong nước ta.	1.0
3	- Câu đặc biệt: “ Gần một giờ đêm”	1.5
	- Tác dụng: Xác định thời gian	
4	- HS tự bày tỏ quan điểm của mình	0.5

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Nội dung	Biểu điểm
Hình thức: - Đúng thể loại: Giải thích câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công” - Bố cục rõ: Mở bài, thân bài, kết bài. - Diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu thông thường. - Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	0.5
1. Mở bài - <i>Nêu luận điểm chính: Giới thiệu vấn đề “ Thất bại là mẹ thành công”</i>	0.5
2. Thân bài: a) <i>Giải thích nội dung câu tục ngữ: “ Thất bại là mẹ thành công”</i> - Thành công: đạt được thành tựu, mục tiêu - Thất bại: đối lập với thành công - Mẹ: người sinh ra ra → Thất bại là cơ sở, nền tảng giúp tạo ra thành công	1.0
b. <i>Bàn luận:</i> * <i>Vì sao thất bại lại là con đường, bệ đỡ giúp tạo ra thành công?</i>	0.5



- Thất bại tạo ra kinh nghiệm, rút ra bài học để khắc phục, hoàn thiện bản thân

- Thất bại rèn luyện tinh thần chiến đấu, sự kiên trì
- Thất bại phần nào làm thấp đi sự tự tin quá mức, tạo nên sự cẩn thận, dè dặt khi hành động

0.5

* Dẫn chứng:

- Từ khi bị thực dân Pháp đô hộ, đã có nhiều cuộc khởi nghĩa, chiến dịch nổ ra với các đường lối khác nhau, tuy thất bại nhiều nhưng nhờ đó, đã đưa ra những bài học quý giá giúp Bác Hồ tìm được con đường cứu nước đúng đắn

- Một bạn HS sau một lần thi bị điểm kém, về nhà ôn tập kĩ, rèn luyện nhiều hơn, lúc kiểm tra cẩn thận hơn nên đạt điểm cao như mong muốn...

0.5

c. Liên hệ bản thân

- Em đã từng cố gắng nhiều lần, vượt qua các thất bại để hoàn thành dự định của mình chưa?

0.5

- Cảm xúc của em như thế nào sau khi thành công?

3. Kết bài

Suy nghĩ, đánh giá của em về câu tục ngữ



Ban giám hiệu

Tổ phó

Nhóm trưởng

Người ra đề

Đương Văn Tuynh

Đinh T. Nhàn

Đàm T. Tuyết

Nguyễn Tường Ly

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng từ tuần 19 đến tuần 33 trong chương trình Ngữ văn 7 đã học về văn bản truyện ngắn, Tiếng Việt (Rút gọn câu, câu đặc biệt, thêm trạng ngữ cho câu, chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động, liệt kê) và văn nghị luận.

- Năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức tự luận.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực ghi nhớ.

- Năng lực vận dụng kiến thức Ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục học sinh tình cảm gia đình, tình yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm đối với quê hương đất nước.

B. MA TRẬN ĐỀ CUỐI HỌC KÌ II

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
Nội dung					
Kiến thức văn bản	Tên văn bản, tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt	Nội dung của một hình ảnh, chi tiết trong văn bản hoặc văn bản. Ý nghĩa nhan đề		Từ VB liên hệ thực tiễn.	
Số câu	Số câu: 1	Số câu: 2		Số câu: 1	Số câu: 4
Số điểm- Tỷ lệ%	2đ 20%	2đ 20%		0.5 đ 5%	4.5 đ 45%
Kiến thức Tiếng Việt		- Rút gọn câu - Câu đặc biệt			



		<ul style="list-style-type: none"> - Thêm trạng ngữ cho câu - Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. - Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu - Liệt kê 			
Số câu Số điểm – Tỉ lệ %		Số câu: 1 1.5đ 15%			Số câu: 1 1.5đ 15%
Kiến thức Tập làm văn			Văn nghị luận giải thích		
Số câu Số điểm- Tỉ lệ %			Số câu: 1 4đ – 40%		Số câu: 1 4 điểm - 40%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 1 Số điểm: 2 20%	Số câu: 3 Số điểm: 3.5 35%	Số câu: 1 Số điểm: 4 40 %	Số câu: 1 Số điểm: 0.5 5%	Số câu: 6 Số điểm: 10 100%

Đề số 04

(Dự phòng 2)

I. PHÂN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Ngoài kia, tuy mưa gió âm âm, dân phu rối rít, nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch nghiêm trang lắm: trừ quan phụ mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trẫm họ đang lấm láp, gọi gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong đình rất là nhàn nhã, đường bệ, nguy nga: nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới, người nhà, lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ tôn nghiêm, như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi: “Điếu, mày”; tiếng tên lính thưa: “Dạ”; tiếng thầy đề hỏi: “Bẩm, bôc”; tiếng quan lớn truyền: “Ừ”. Kẻ này: “Bát sách! Ăn”. Người kia: “Thất văn....Phỗng”, lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, khi cười, khi nói vui vẻ dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vị phúc tinh.”

(Ngữ văn 7 - tập 2, trang 76,77)

Câu 1 (2,0 điểm): Đoạn trích trên trong văn bản nào? Của ai? Được viết theo thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

Câu 2 (1,5 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn trích. Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản chứa đoạn trích.

Câu 3 (0,5 điểm): Câu văn “Thật là tôn kính, xứng đáng với một vị phúc tinh.” thể hiện thái độ gì của tác giả đối với tên quan phụ mẫu?

Câu 4 (1,5 điểm): Xác định biện pháp tu từ trong phần được in đậm và nêu tác dụng.

Câu 5 (0,5 điểm): Nếu em là nhân vật quan phụ mẫu, em sẽ làm gì trong bối cảnh đề sắp vẽ?

II. PHÂN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Đề bài: Viết bài văn nghị luận giải thích câu tục ngữ: “Thất bại là mẹ thành công”

-----Chúc các em làm bài tốt!-----

Q. LONG BIÊN
TRƯỜNG
THCS PHÚC ĐỒNG

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (6 điểm)

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1 (2 điểm)	- Đoạn trích trong văn bản “Sống chết mặc bay”	0.5
	- Tác giả Tạ Duy Tôn	0.5
	- Thể loại: truyện ngắn	0.5
	- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0.5
2 (1,5 điểm)	- Nội dung chính của đoạn trích là: Cảnh quan phủ và nha lại đánh tổ tôm khi đi hộ đê	0.5
	- Ý nghĩa nhan đề: + Bắt đầu từ một câu tục ngữ dân gian “Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi” với ý nghĩa phê phán những hạng người vô trách nhiệm, ích kỉ, chỉ biết lợi ích của bản thân mà không quan tâm đến cuộc sống, tính mạng người khác.	0.5
	+ Phê phán thói vô trách nhiệm, ích kỉ, lòng lang dạ sói của tầng lớp quan lại phong kiến lúc bấy giờ và bày tỏ sự xót thương, đồng cảm trước cuộc sống đầy cực khổ của người dân.	0.5
3 (0,5 điểm)	- Tác giả thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm, lên án sự thờ ơ, vô trách nhiệm của tên quan phụ mẫu	0.5
4 (1,5 điểm)	- Biện pháp tu từ: liệt kê	0.5
	- Tác dụng: + Liệt kê ra những người đang ở trong đình và dáng ngồi của họ	0.5
	+ Nhấn mạnh sự độc ác, tàn bạo, ung dung của quan trước tình cảnh đê sắp vỡ	0.5
5 (0,5 điểm)	Tôn trọng suy nghĩ của học sinh. HS có thể đưa ra các ý sau: + Sắp xếp binh lính, cứu trợ cho dân, làm đủ các cách để cứu con đê sắp bị vỡ	0.5

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (4 điểm)

Nội dung	Biểu điểm
Hình thức: - Đúng thể loại: Nghị luận câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công” - Bố cục rõ: Mở bài, thân bài, kết bài.	0.5

- Diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu thông thường.
- Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.

a. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu câu tục ngữ: "Thất bại là mẹ thành công". 0,25

b. Thân bài:

- *Giải thích:*

+ "Thất bại" là khi chúng ta không đạt kết quả không như mong muốn.

+ "Thành công" là khái niệm trái với thất bại, ở đây được hiểu là khi đạt được những giá trị, kết quả mình mong muốn hoặc những giá trị mà xã hội công nhận và đánh giá cao.

=> Câu tục ngữ khẳng định: thất bại là yếu tố quan trọng tạo nên thành công...

- *Tại sao "Thất bại là mẹ thành công"?*

+ Sau mỗi lần thất bại ta sẽ tìm được nguyên nhân dẫn đến sai sót của công việc...

+ Thất bại là cơ hội để ta rèn luyện, rút kinh nghiệm sau những lần vấp ngã.

+ Thành công sẽ đến nếu bạn biết trân trọng thất bại, cố gắng bước tiếp...

- *Dẫn chứng:* Bác Hồ, nhà bác học Edison, Nick Vujic, nhà nông học tiến sĩ Lương Đình Của..... 0,5

- *Bàn luận, mở rộng:* trân trọng, phê phán....

- *Ý nghĩa bài học:* nhận thức, hành động 0,5

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề. 0,5

- Liên hệ bản thân. 0,25

Ban giám hiệu

Tổ phó

Nhóm trưởng

Người ra đề



Đương Văn Tuynh

Đinh Thị
Nhàn

Đàm Thị Tuyết

Phùng T. Phương
Thảo